HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 252/NQ-HĐND	*Phú Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Chủ trương chuyển loại rừng sau khi rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng của các công ty, doanh nghiệp trồng rừng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc xin chủ trương chuyển loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) sau khi rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Phú Yên của các Công ty, doanh nghiệp trồng rừng. Đơn vị: Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất chủ trương chuyển loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) sau khi rà soát, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng tỉnh Phú Yên của các Công ty, doanh nghiệp trồng rừng. Đơn vị: Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên, với nội dung như sau:

1. Phương án chuyển loại rừng của Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên:

a) Diện tích đất, rừng sản xuất chuyển đổi: 447,78 ha; gồm:

Điều chỉnh tăng diện tích đất, rừng sản xuất (do chuyển từ phòng hộ sang sản xuất): 447,78 ha.

b) Diện tích đất, rừng phòng hộ chuyển đổi: 447,78 ha; gồm:

Điều chỉnh giảm diện tích đất, rừng phòng hộ (do chuyển sang sản xuất): 447,78 ha.

(Chi tiết theo Phụ lục 01a, 01b).

2. Đối với diện tích đất, rừng thuộc ba loại rừng (thuộc lâm nghiệp) chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc loại đất khác bổ sung vào ba loại rừng (thuộc lâm nghiệp) thì thực hiện theo Luật Đất đai, Luật Lâm nghiệp; kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất của địa phương hoặc từng dự án được cấp thẩm quyền cho phép.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VII, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 26 tháng 7 năm 2020./.

TM. CHỦ TỌA

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Trần Văn Cư

Phụ lục 01a: DIỆN TÍCH ĐẤT, RỪNG SẢN XUẤT CHUYỂN ĐỔI

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên

(Kèm theo Nghị quyết số 252/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh Phú Yên)

Diện tích: ha

STT	Xã/Tiểu khu	Diện tích chuyển loại rừng			Ghi chú	
		Tổng diện tích	Diện tích đất, rừng Sản xuất giảm; nguyên nhân điều chỉnh sang Phòng hộ	Diện tích đất, rừng Sản xuất tăng nguyên nhân điều chỉnh từ Phòng hộ sang	Phần Diện tích đất, rừng sản xuất giảm; do điều chỉnh ra ngoài ba loại rừng)	Phần Diện tích đất, rừng Sản xuất tăng; do bổ sung từ đất, rừng ngoài quy hoạch ba loại rừng
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	**Hòa Quang Bắc**	**313.82**		**313.82**		
	264	313.82		313.82		
2	**Hòa Quang Nam**	**133.96**		**133.96**		
	271	133.96		133.96		
TỔNG CỘNG		**447.78**		**447.78**		

Phụ lục 01b: DIỆN TÍCH ĐẤT, RỪNG PHÒNG HỘ CHUYỂN ĐỔI

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên

(Kèm theo Nghị quyết số 252 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh Phú Yên)

Đơn vị tính: ha

STT	Xã/Tiểu khu	Diện tích chuyển loại rừng	Ghi chú

		Tổng diện tích	Diện tích đất, rừng Phòng hộ giảm; nguyên nhân điều chỉnh sang Sản xuất	Diện tích đất, rừng Phòng hộ tăng nguyên nhân điều chỉnh từ Sản xuất sang	Phần Diện tích đất, rừng Phòng hộ giảm; do điều chỉnh ra ngoài ba loại rừng	Phần Diện tích đất, rừng Phòng hộ tăng; do bổ sung từ đất, rừng ngoài quy hoạch ba loại rừng
(1)	*(2)*	*(3)=(4)+(5)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
Tổng cộng		**447.78**	**447.78**			
1	**Hòa Quang Bắc**	**313.82**	**313.82**			
	264	313.82	313.82			
2	**Hòa Quang Nam**	**133.96**	**133.96**			
	271	133.96	133.96			
TỔNG CỘNG		**447.78**	**447.78**			